

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ S
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Ký

2. Ông Trần Công Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết, thư ký Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1980; HKTT: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; hiện ở: Thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2020, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim T (chị T) trình bày: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, sống chung với anh Nguyễn Ngọc T (anh T) tại nhà mẹ của anh T năm 1998, đến ngày 21/4/1999 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S. Sau khi kết hôn, cuộc sống

vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng 10 năm nay, anh T không lo làm ăn, không có trách nhiệm, thường xuyên ăn nhậu về gây sự vợ con. Kinh tế gia đình do một mình chị gánh vác, anh T bỏ mặc, không chia sẻ cùng chị. Chị nhiều lần khuyên ngăn, góp ý, anh T không nghe mà còn đánh chị, cờ bạc nợ nần, ngày nào cũng say. Tháng 4/2020 âm lịch, chị đã cùng các con về sống cùng mẹ chị tại thôn B. Chị và anh T sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T cũng bỏ mặc, không quan tâm chị và các con. thỉnh thoảng anh T có tới, nhưng đều trong tình trạng say xỉn, mỗi lần tới anh T đều chửi mắng chị và mẹ chị, không hề có động thái để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị chịu đựng cuộc sống vợ chồng trong hoàn cảnh như vậy đã 10 năm. Chị xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Mạnh T - sinh ngày 06/4/1998 (cháu bị bệnh Down, mất năng lực hành vi dân sự), Nguyễn Huỳnh Duy T – sinh ngày 18/7/2005, Nguyễn Huỳnh Bảo T – sinh ngày 10/5/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, các con chung do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh và chị T sống chung và đăng ký kết hôn năm 1999. Vợ chồng nào cũng có cái vả, mâu thuẫn nhau là bình thường. Anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Mạnh T - sinh ngày 06/4/1998 (cháu bị bệnh Down, mất năng lực hành vi dân sự), Nguyễn Huỳnh Duy T – sinh ngày 18/7/2005, Nguyễn Huỳnh Bảo T – sinh ngày 10/5/2014. Nếu ly hôn, anh T đồng ý giao 03 con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tòa án nhân dân thị xã S đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân yêu cầu được ly hôn anh T; thay đổi yêu cầu khởi kiện về quan hệ con chung, yêu cầu được nuôi 03 con chung và buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh T thừa nhận có nhậu nhưng chỉ đánh chị T 01 lần. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh có đến thăm vợ con và đưa ra đề nghị với chị T là anh T sống riêng tại nhà cha mẹ anh T, chị T sống riêng tại nhà cha mẹ chị T, mạnh ai nấy sống, việc gì tính sau. Đồng thời thừa nhận sự việc đúng như lời bà Võ Thị L trình bày, mỗi lần anh T tới thăm chị T tại nhà bà L, anh đều trong tình trạng say xỉn, chửi chị T và bà L, đánh chị T. Anh không đồng ý ly hôn. Anh chỉ đồng ý ly hôn khi nào chị T chấp nhận điều

kiện của anh là chị T nuôi dưỡng 03 con chung (gồm 01 cháu bị bệnh Down, mất năng lực hành vi dân sự và 02 cháu chưa đủ tuổi thành niên) và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị T được ly hôn anh T. Về con chung, giao con chung Nguyễn Mạnh T (cháu bị bệnh Down, mất năng lực hành vi dân sự), Nguyễn Huỳnh Duy T, Nguyễn Huỳnh Bảo T cho chị T nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T xác định chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét. Chị T, anh T chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú tại Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã S theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ cấp dưỡng của bị đơn. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 243 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T, anh T có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Cầu ngày 21/4/1999 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn chị T trình bày, quá trình chung sống, vợ chồng chị thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, không có trách nhiệm, thường xuyên ăn nhậu về gây sự vợ con. Kinh tế gia đình do một mình chị gánh vác, anh T bỏ mặc, không chia sẻ cùng chị. Chị nhiều lần khuyên ngăn, góp ý, anh T không nghe mà còn đánh chị, cờ bạc nợ nần, ngày nào cũng say. Hội đồng xét xử xét thấy tại Biên bản lấy lời khai, cháu Huỳnh Duy T trình bày "...ba cháu nhậu nhẹt hàng ngày, nhậu về thỉnh thoảng đánh mẹ, ba làm không có tiền, không có trách nhiệm với vợ con, ngày nào cũng say, không lo làm ăn. Con thấy ba mẹ không thể sống chung với nhau được nữa...". Tại biên bản làm việc, bà Võ Thị L – mẹ ruột chị T trình bày "...Th và T có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng quá lớn, Th đã đưa 03

con chung của Th và T về nhà của tôi sống cùng tôi từ tháng 4/2020 âm lịch đến nay. Trong thời gian Th và các con sống tại nhà tôi, T thường xuyên lui tới. Mỗi lần T tới, T không hỏi han sức khỏe hay tình hình cuộc sống của Th và các con như thế nào, cũng không năn nỉ hay có hành động lời nói gì để vợ chồng cùng hóa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mỗi lần T đến, đều trong tình trạng say xỉn, chửi Th và cả tôi, thậm chí còn đánh Th...”. Tại phiên tòa, anh T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như lời bà Võ Thị L trình bày, thừa nhận con do chị T nuôi dưỡng, bản thân anh thường xuyên ăn nhậu, vợ chồng có cãi vã, có đánh chị T. Chị T đã đưa các con về nhà bà L – mẹ vợ sống từ tháng 4/2020 âm lịch nên vợ chồng anh sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh có đến thăm vợ con và đưa ra đề nghị với chị T là anh Tsống riêng tại nhà cha mẹ anh T, chị T sống riêng tại nhà cha mẹ chị T, mạnh ai nấy sống, việc gì tính sau. Tại phiên tòa, anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn nhưng anh T không đưa ra được giải pháp khắc phục nhược điểm bản thân cũng như kế hoạch hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng cuộc sống gia đình, cùng nuôi dưỡng các con trong khi mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh T không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh T.

[3] *Về con chung*: Có 03 con chung tên Nguyễn Mạnh T - sinh ngày 06/4/1998, Nguyễn Huỳnh Duy T – sinh ngày 18/7/2005, Nguyễn Huỳnh Bảo T – sinh ngày 10/5/2014. Riêng đối với cháu Nguyễn Mạnh T - sinh ngày 06/4/1998, anh T và chị T đều xác định cháu Trí bị bệnh Down, mất năng lực hành vi dân sự và đang được hưởng trợ cấp xã hội. Anh T và chị T đều thừa nhận thời gian qua, các con chung do chị T nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nguyện vọng của các con và hoàn cảnh thực tế của chị T và anh T nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, không chấp nhận ý kiến của anh T. Xét anh T làm nghề tài xế, thu nhập không ổn định nên buộc anh T cấp dưỡng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở = 750.000 đồng ($\frac{1}{2}$ 1.490.000đ)/cháu/tháng kể từ tháng 01/2021 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh T xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Huỳnh Thị Kim T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao 03 cháu Nguyễn Mạnh T - sinh ngày 06/4/1998 (cháu bị bệnh Down, mất năng lực hành vi dân sự), Nguyễn Huỳnh Duy T – sinh ngày 18/7/2005, Nguyễn Huỳnh Bảo T – sinh ngày 10/5/2014 cho chị Huỳnh Thị Kim T nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung 750.000đ/tháng/cháu (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) kể từ ngày tháng 01/2021 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0004977 ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND phường Xuân Phú (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên

